TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2025/DS-ST
Ngày 23-9-2025
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thùy Dung.
Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải;

2. Ông Hồ Chí Trường.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Hữu Định – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2025/TLST-DS ngày 07 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 122/2025/QĐST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1/. Trần Minh T, sinh năm 1983 (Có mặt).

2/. Nguyễn Thị Kim T1, sinh năm 1989 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp C, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: 1/. Phan Hải D, sinh năm 1984 (Vắng mặt).

2/. Trần Thị N, sinh năm 1986 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm của nguyên đơn Trần Minh T và Nguyễn Thị Kim T1 trình bày: Vợ chồng anh T, chị T1 có cho vợ chồng anh Phan Hải D và chị Trần Thị N vay tiền để làm ăn tổng cộng 07 lần với tổng số tiền là 90.000.000 đồng (khi khởi kiện), cụ thể:

Ngày 24/12/2022 cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 04/02/2023 cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 02/5/2023 cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 23/10/2023 cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 02/12/2023 cho vay 10.000.000 đồng.

Ngày 29/4/2024 cho vay 20.000.000 đồng.

Ngày 27/01/2025 cho vay 20.000.000 đồng.

Nhưng đối với lần vay cuối ngày 27/01/2025 số tiền 20.000.000 đồng, khi đó không có làm biên nhận và hiện nay do vợ chồng anh D, chị N không có mặt tại địa phương cho nên nay anh T, chị T1 thống nhất không yêu cầu đối với số tiền 20.000.000 đồng này.

Nay anh T, chị T1 thống nhất chỉ yêu cầu số tiền gốc theo 06 biên nhận (bản chính) với số tiền 70.000.000đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật 1,6%/tháng từ ngày viết biên nhận đến ngày xét xử (23/9/2025) tương ứng với các lần vay của 06 biên nhận trên với tổng số tiền lãi là 26.880.000 đồng (tính số tháng, những ngày dư không tính). Và anh T, chị T1 đồng ý bớt một phần tiền lãi (chỉ yêu cầu tổng số tiền lãi là 25.000.000 đồng).

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Hải D và chị Trần Thị N không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng anh Phan Hải D và chị Trần Thị N trả cho nguyên đơn số tiền gốc là 70.000.000 đồng và lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2025 của nguyên đơn nộp trực tiếp tại Tòa án về việc tranh chấp hợp đồng vay với bị đơn là anh Phan Hải D và chị Trần Thị N. Người khởi kiện có quyền khởi kiện và đã thực hiện đúng về thủ tục khởi kiện theo quy định tại các Điều 186, 188, 189 và Điều 190 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xét thấy đây là tranh chấp về giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án và người bị kiện có địa chỉ cư trú xã T, tỉnh Đồng Tháp. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp thụ lý giải quyết là đúng quy định tại các Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thời hiệu khởi kiện: Bị đơn ký kết các biên nhận vay tiền của nguyên đơn từ tháng 12/2022 cho đến tháng 4/2024 và thỏa thuận là khi nào bên nguyên đơn muốn lấy lại vốn gốc thì cho bị đơn hay trước 30 ngày, nhưng đến tháng 02/2025 nguyên đơn cần lấy vốn gốc và lãi và cho bị đơn hay trước nhưng bị đơn không trả đúng hẹn. Như vậy bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ đối với nguyên đơn và từ ngày bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến khi nguyên đơn nộp đơn khởi kiện ngày 23 tháng 4 năm 2025 là chưa quá 03 năm nên thời hiệu khởi kiện vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị đơn là anh Phan Hải D và chị Trần Thị N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh D và chị N.

[2] Về nội dung vụ án:

Nguyên đơn là anh T và chị T1 yêu cầu bị đơn là vợ chồng anh D và chị N trả tiền vay gốc 70.000.000 đồng và lãi 1,6% từ ngày vay cho đến ngày xét xử theo từng biên nhận nợ (đồng ý bớt một phần tiền lãi), chỉ yêu cầu tổng tiền lãi là 25.000.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phan Hải D và chị Trần Thị N đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không đến và tại 02 lần phiên tòa sơ thẩm anh D và chị N cũng không có mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: Bị đơn là anh D và chị N đã biết việc nguyên đơn khởi kiện nhưng bị đơn không có ý kiến, không phản đối yêu cầu của nguyên đơn và không đến theo giấy triệu tập và văn bản của Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền đều có biên nhận nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền vay gốc 70.000.000 đồng, lãi 25.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 95.000.000 đồng theo quy định tại 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự và các Điều 24, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Anh Phan Hải D và chị Trần Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Kim T1 là 95.000.000 đồng, án phí là 4.750.000 đồng.

[4] Hội đồng xét xử xét lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5, 26, 35, 39, 91của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng các Điều 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc anh Phan Hải D và chị Trần Thị N có nghĩa vụ trả cho anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Kim T1 số tiền vay còn thiếu gốc là 70.000.000 đồng và lãi là 25.000.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 95.000.000 đồng (Chín mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành số tiền nêu trên thì còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng thời gian chậm trả với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phan Hải D và chị Trần Thị N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 4.750.000 đồng (Bốn triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Anh Trần Minh T và chị Nguyễn Thị Kim T1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh chị số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.835.000 đồng (Hai triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005075 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 12 – Đồng Tháp).

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23-9-2025), bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 12 - tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Thùy Dung